

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 37 /2020/HNGĐ-ST
Ngày 23 /6/2020
"V/v Ly hôn".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Xuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. ông Nguyễn Mạnh Dũng;
2. ông Nguyễn Quang Liêu

Thư ký phiên tòa: ông Trần Thế Vinh - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Trong ngày 23 tháng 06 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm, thụ lý số 183/2020/ TLST – HNGĐ ngày 18 tháng 05 năm 2020, về việc "Ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70 /2020 / QĐST – HNGĐ ngày 10 tháng 06 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn V T; Sinh năm 1981 (có mặt)
Địa chỉ : thôn 1, xã Đ , huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.
2. Bị đơn: Phạm Th Ng; Sinh năm 1988 (vắng mặt)
Địa chỉ : thôn 1, xã Đ , huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 15/05/2020 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn anh Nguyễn V T trình bày: Tôi và cô Phạm Th Ngự nguyên chung sống với nhau từ năm 2015 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đường 10, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, quá trình sống chung vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do tính cách không hợp nhau, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được , không còn quan tâm tới nhau nữa, đã sống ly thân từ tháng 2/2019 đến nay, vợ chồng không duy trì được hạnh phúc gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị Phạm Th Ng(có đơn xin vắng mặt) qua lời khai trình bày: Vợ chồng sống chung có đăng ký kết hôn là đúng, mâu thuẫn là đúng, đồng ý ly hôn. Về con chung, về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: anh Nguyễn V T có đăng ký kết hôn với chị Phạm Thị Nga, nay anh Nguyễn V T xin ly hôn, vì vậy quan hệ pháp luật là “ Tranh chấp ly hôn”, theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân thấy rằng anh Nguyễn V T và chị Phạm Thị Nga tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đường 10, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, số đăng ký 11/2015, ngày 24/03/2015, như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị Nga và anh Nguyễn V T là hợp pháp.

Xét mâu thuẫn gia đình: Quá trình sống chung, chị Phạm Thị Nga và anh Nguyễn V T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn vợ chồng, các bên đều thừa nhận và đã sống ly thân, như vậy mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, anh Nguyễn V T được ly hôn với chị Phạm Thị Nga.

[4] Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: anh Nguyễn V T nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí của Tòa án;

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, anh Nguyễn V T được ly hôn với chị Phạm Thị Nga.

Giấy chứng nhận kết hôn số đăng ký 11/2015, quyển số 01/2014 ngày 24/03/2015 do UBND xã Đường 10, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước cấp hết hiệu lực khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

[2] Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: anh Nguyễn V T nộp số tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ, tuy nhiên khấu trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp theo biên lai thu tiền số 0010313 ngày 18/05/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng tỉnh Bình Phước. (Đã nộp xong).

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15

ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc từ ngày Bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND H. Bù Đăng;
- Chi cục THADS H. Bù Đăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Xuyên